

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý: IV/2021

### I- Đặc điểm hoạt động của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực hoạt động: Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán.
3. Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 01/GP - QLĐT do Bộ Tài chính cấp ngày 06/01/2006
- Thu xếp thành lập và quản lý các quỹ đầu tư thành lập ở trong nước và nước ngoài để thực hiện đầu tư tại Việt Nam
- Nhận ủy thác đầu tư và quản lý danh mục đầu tư
- Thực hiện tư vấn tài chính doanh nghiệp gồm: tái cơ cấu tài chính, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp
4. Tổng số nhân viên: 8
5. Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

### II- Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt nam đồng

### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ Kế toán áp dụng: Áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt nam.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Sử dụng phần mềm kế toán MISA

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: Được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND
- Chênh lệch tỷ giá: Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ
- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hứu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.
3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính
4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

  - Chi phí trả trước và chi phí khác được phản ánh theo giá gốc.
  - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: theo phương pháp đường thẳng

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Các khoản chi phí phải trả được phản ánh theo giá gốc.
6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả
7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

  - Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu. Được ghi nhận theo vốn thực góp
  - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản
  - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán
  - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có).

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

  - Doanh thu hoạt động nghiệp vụ: Phi quản lý được ghi nhận trên cơ sở diện tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư, điều lệ quỹ và nghị quyết đại hội nhà đầu tư. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yêu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu
  - Doanh thu hoạt động tài chính: Thu nhập từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở diện tích
  - Doanh thu hoạt động tài chính: Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản mục có gốc
  - 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Chi phí tài chính được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
  - 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

    - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
    - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

  - 11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

### V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: VND.

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	488,927,621	306,954,459
- Tiền gửi NH	17,300,000,000	17,300,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	17,788,927,621	17,607,122,459
Cộng		

Đơn vị tính: VND.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	8	27,716,400,000	8	27,771,600,000
Công	8	27,716,400,000	8	27,771,600,000

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	-	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	-
- Phải thu phí thường hoạt động	-	-
- Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
- Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	-
Công	-	-

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải thu từ lãi tiền gửi	396,249,863	179,561,918
- Phải thu người lao động	-	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
- Phải thu khác	-	-
Công	396,249,863	179,561,918

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thửa	6,350,312	6,350,312
- Cách khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Công	6,350,312	6,350,312

6. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	93,831,975	93,831,975
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Công	93,831,975	93,831,975

7. Tình hình tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Dụng cụ văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	239,440,124		239,440,124
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	239,440,124		239,440,124
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	239,440,124		239,440,124
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
- Khâu hao trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	239,440,124		239,440,124
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	-
- Tài ngay đầu năm	-	-	-
- Tài ngay cuối năm	-	-	-

8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	5,555,556	14,486,674
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5,555,556	14,486,674
Công	-	-

9. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thủ lao hội đồng quản trị	-	-
- Tiền thuê văn phòng	93,500,000	129,250,001
- Phi kiểm toán	53,977,750	32,557,750
- Phải trả người lao động	-	6,725,864
- Phải trả phải nộp khác	-	-

ÔNG TY  
CỔ PHẦN  
AN LÝ QUỐC  
BVIM  
DA - TR

- Phi Hợp đồng cỏ vắn cấp cao và Hợp đồng cỏ vắn	1,386,000,000	
Công	1,533,477,750	168,533,615

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản trả, phải nộp khác		
Công	-	-

Đơn vị tính: VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND.

11. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	-	
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư		
- Doanh thu phi thường hoạt động		
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		
- Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ khác		
Công	-	-

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
- Chi phí hoạt động quản lý quỹ	-	
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư		
- Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		
- Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác		
- Giá vốn hàng bán		
Công	-	-

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
- Lãi tiền gửi	736,102,695	782,870,820
- Lãi đầu tư tài chính		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Công	736,102,695	782,870,820

15. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
- Lãi tiền vay		
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Chi phí tài chính khác		
Công		

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		

Đơn vị tính: VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

17. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIÊN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Phản cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3. Thông tin về các bên liên quan

4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong bao cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

6. Những thông tin khác

Người lập biểu

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Quý



TỔNG GIAM ĐỐC  
Lê Xuân Tiến

